

NGÔN NGỮ VỚI SÁNG TẠO VÀ TIẾP NHẬN VĂN BẢN NGHỆ THUẬT: CÁCH TIẾP CẬN TĨNH VÀ ĐỘNG

NGUYỄN HUY KỶ
(TS, Cao đẳng Sư phạm Hà Nội)

1. Dẫn nhập

Đối với bản thân người viết bài này, đây là vấn đề rất thú vị nhưng khá ‘hóc búa’. Thực tế đã chứng tỏ nhận định này bởi ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn bản nghệ thuật (văn, thơ, ca khúc...) theo cách tiếp cận tĩnh - động không những đòi hỏi trí tưởng tượng của người sáng tạo, mà còn đòi hỏi trí tưởng tượng của người tiếp nhận thông tin từ mỗi phát ngôn /diễn ngôn...trong từng tình huống, ngôn cảnh đã được tạo dựng, bởi lẽ nhiều khi vẫn chỉ cùng một phát ngôn nhưng có thể có (nhiều) cách hiểu khác nhau, rất dễ tạo ra cách hiểu ‘mập mờ’. Đó cũng chính là lí do khiến người viết quan tâm, suy nghĩ, dành nhiều thời gian cho các cuộc trao đổi học thuật với đồng nghiệp, các nhà khoa học... với mong muốn tìm được cách lí giải phù hợp cho vấn đề đã được đặt ra như tựa đề bài viết.

2. Yêu cầu

Để thực hiện (thông qua sáng tác) và tiếp nhận (thông qua cảm thụ) vấn đề ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn bản nghệ thuật (có thể thông qua hoặc khẩu ngữ, hoặc bút ngữ) được tốt, người sáng tạo và người tiếp nhận sáng tạo đều phải ít nhiều (hoặc có ý thức hay không có ý thức, hoặc trực tiếp hay gián tiếp) có kiến thức tương đối sâu, rộng, hoặc đại cương có tính liên ngành (Ngôn ngữ học, Ngữ dụng học, Ngôn điệu học, Giao thoa văn hóa, Văn học, Tâm lí học, Triết học, Xã hội học, Mĩ học...).

Có khả năng xác lập cơ chế chuyển mã từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng gắn với hoạt

động năng động của người tiếp nhận sáng tạo, góp phần làm sáng tỏ quá trình sáng tạo - tiếp nhận vốn vô cùng trừu tượng trở nên có thể tri nhận và tưởng tượng được.

3. Nhìn từ góc độ ngôn ngữ - tâm lí học

Tác phẩm văn học là loại tác phẩm được xây dựng trên cơ sở hoạt động ngôn từ nên bao giờ cũng có lớp nghĩa của từ, lớp nghĩa của hình ảnh, lớp nghĩa của hình tượng và lớp nghĩa của chủ đề tư tưởng. Các lớp nghĩa này được hình thành thông qua quá trình chuyển hóa giữa những phạm trù cảm tính - lí tính; quy nạp - diễn dịch... Ngoài ra, có thể còn nhiều cảm xúc, cảm giác, ấn tượng... đan xen nhau trong cảm hứng mà ngay chính người sáng tạo không phải bao giờ cũng dễ dàng tri nhận, lí giải đầy đủ, cụ thể như thuật toán về chính sự tình ấy.

Tất cả những phức hợp trên đều được thể hiện một cách tập trung nhất trong mối quan hệ giữa phạm trù nội dung và hình thức của tác phẩm. Hình thức (hoặc có thể là cấu trúc ngôn từ, văn phong, thể loại, mẫu hình...hay được gọi là cái biểu đạt) góp phần làm nổi bật nội dung (là những ý nghĩa, tư tưởng tác giả nhắm đến, gửi gắm trong tác phẩm, ngôn bản... hay được gọi là cái được biểu đạt), và ngược lại, nội dung góp phần làm chặt chẽ hơn cho hình thức, góp phần tạo nên tính hệ thống mà mỗi văn bản nghệ thuật, mỗi ngôn bản cần có. Theo đó, một số nội dung cốt yếu cần đặt ra là:

- Vấn đề nội dung - hình thức nên được nhìn nhận không những ở góc độ tĩnh, mà còn ở góc độ động trong quá trình tạo nghĩa - tiếp nhận

nghĩa của cả người sáng tạo và người tiếp nhận sáng tạo.

- Vấn đề tạo nghĩa cần phải được xem xét không tách khỏi phẩm chất chủ quan của tác giả trong cách nhìn nhận hình tượng thẩm mỹ, một phạm trù vừa mang tính hình thức, vừa mang tính nội dung sâu sắc.

- Từ cơ chế này, ngôn từ trong mỗi văn bản nghệ thuật không đơn giản chỉ là công cụ tu từ mang tính kỹ xảo, mà còn là một phương tiện để đồng hóa nhận thức thẩm mỹ.

4. Vấn đề ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn bản nghệ thuật: cách tiếp cận tĩnh - động

4.1. Ngôn ngữ với vấn đề nội dung và hình thức trong văn bản nghệ thuật

Để làm sáng tỏ vấn đề có tính cơ chế này, ta không thể không cảm thụ sâu sắc tác phẩm với tư cách đồng sáng tạo (co-creation) cùng tác giả. Điều này có nghĩa là người tiếp nhận văn bản nghệ thuật hay tác phẩm nghệ thuật ngôn từ cũng phải biết tường tượng trong cơ chế hoạt động phức tạp của ngôn từ, cấu trúc, nội dung...theo một ngôn cảnh (context), tình huống (situation) nhất định, phù hợp với nền văn hóa của dân tộc ấy. Chúng tôi có thể viện dẫn trường hợp sau đây để minh chứng cho nhận định này: nhạc sĩ và ca sĩ thể hiện tác phẩm của nhạc sĩ ấy, như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và ca sĩ Khánh Ly (trước đây), hoặc ca sĩ Hồng Nhung, Quang Dũng (hiện nay). Hình như họ sinh ra là để sáng tác và biểu diễn cho nhau (?); tác phẩm vốn đã hay (như *Biển nhớ*, *Diễm xưa*, *Nắng thủy tinh*, *Rừng xưa đã khép*, *Nhớ mùa thu Hà Nội*...) lại được thể hiện bằng ca sĩ có nghề, có tính sáng tạo, đồng cảm tốt... (thông qua cách nhả lời, nhả chữ, nhấn nhá, tiết chế cảm xúc... ngoài giọng hát bẩm sinh được đào tạo và sử dụng kỹ thuật thanh nhạc phù hợp, chuẩn xác...) nên tác phẩm lại càng hay hơn, đẹp hơn, ấn tượng hơn, dễ đi vào lòng người hơn... Nhận định này càng được khẳng định rõ ràng nếu như cùng nhạc phẩm ấy lại do ca sĩ khác, mặc dù có chất giọng, kỹ thuật thanh nhạc tốt nhưng thiếu nhạc cảm hoặc thiếu 'hồn', trình bày.

Tác phẩm văn học có nhiều lớp nội dung, nhiều lớp hình thức đến mức đa tầng, đa hệ, đan xen lẫn nhau rất phức tạp và phong phú. Truyện Kiều là một điển hình. Nếu không có khả năng tiếp nhận văn chương tốt (tất nhiên phải có kiến thức nền về văn học và ngôn ngữ, thì có lẽ khó mà hiểu hết những nỗi lòng thương cảm của Nguyễn Du trước những tình cảnh gay gắt khác nhau của Kiều giữa một cuộc đời ngổn ngang đến thế, như:

"...*Trải qua một cuộc bể dâu*

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng..."

Hình tượng là phạm trù vừa mang tính nội dung, vừa mang tính hình thức trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ vì so với cấp độ ngôn từ thì hình tượng là nội dung, nhưng so với lớp nghĩa cuối cùng (chủ đề tư tưởng) thì nó là hình thức, ví dụ:

"... *Nếu không có em như mái nhà che chở,*

Biển sẽ cô đơn, buồn bã biết nhường nào"

[2: 96].

Đọc hai câu thơ trên, chúng ta có thể thấy rằng, hình tượng 'mái nhà che chở' tuy bé nhỏ, bình dị, thường thấy, rất cụ thể... với người dân Việt Nam, nhưng lại có giá trị tinh thần rất lớn, có ngọn lửa tình yêu mãnh liệt trong mỗi chúng ta, bởi nếu ai đó '...đã dốc lòng chia sẻ thì mới thấy mùa đông ở đời người, nếu thiếu tình yêu sẽ cô đơn làm sao...' [1 : 146] :

"Mùa đông đến chỉ có mình bãi biển

Sao thần thờ, mệnh mỏng bơ vơ

Mùa đông đến chỉ có mình bãi biển

Với tiếng sóng vỗ âm thầm nhạt nhẽo

Như ngôi sao đêm ánh lửa tàn phai..." [1:

146]. Đọc những câu thơ trên, chúng ta mới thấy *Thương biển mùa đông* (Thơ: Huy Kỳ, Âm nhạc: Huy Du) bởi lẽ có ai ra biển mùa đông (?), và nếu có thì chắc sẽ dễ dàng cảm nhận được một điều thông qua ngôn từ đã được sử dụng, hình ảnh, hình tượng đã được xây dựng và dùng thay lời kết trong bài thơ :

"... *Nếu không có em như mái nhà che chở,*

Biển sẽ cô đơn, buồn bã biết nhường nào"

[2: 96].

Mặc dù không nói trong thơ, nhưng người đọc vẫn thấu hiểu, cảm nhận được tình yêu có sức sống và mãnh liệt biết nhường nào.

Hoặc nữa, nếu như "...*Khát vọng mùa xuân* của Mozart, phỏng thơ của Opbec là khát vọng như thuở thiếu niên vừa chớm thanh xuân nên thật dịu dàng và êm đềm...", thì "...*Khát vọng mùa xuân* mà Huy Du phỏng thơ Huy Cừ sẽ là một nhịp điệu khác Huy Du thời chiến tranh..." [1:148]. Với hình ảnh, hình tượng giọt mưa xuân tí tách rơi trên lá, cặp tác giả nhạc – thơ đã liên tưởng đến sự bình yên, hạnh phúc của cuộc đời, của con người... sống trong vũ trụ bao la:

*"Khi giọt mưa của mùa xuân rơi xuống
Em biết rằng bão tố đã bình yên
Gió heo may phấp lá vàng lại sóng
Lạnh lẽo qua rồi mưa như lửa bùng lên..."*

[1: 148].

Vẫn tiếp theo hình ảnh, hình tượng giọt mưa, nhạc sĩ Huy Du - nhà thơ Huy Cừ đã hình dung ra những cảnh đẹp thuần Việt, bình dị nhưng đầy chất thơ, chất nhạc nên dễ làm say đắm lòng người:

*"Khi giọt mưa của mùa xuân rơi xuống
Có con sáo sang sông rồi bay vút ngang trời
Có ngọn đèn quả đất đứng trông trăng
Có ngọn khói gọi vầng mây lộng lẫy
Có những lời em hát suốt mùa đông..."*
*"...Mùa xuân đến, mùa xuân đến
Em hát cùng anh, em hát cùng anh
Những khát vọng mùa xuân
Những khát vọng mùa xuân"* [1: 148-149].

Hơn thế nữa, hình tượng được coi là phạm trù hình thức mang tính nội dung, là công đoạn mà người nghệ sĩ sáng tạo phải dốc nhiều tâm sức chú quan nhất. Hình tượng được hình thành từ cấp độ mã ngôn ngữ nhưng nó thuộc cấp độ phi ngôn từ vì hình tượng chỉ hiện lên trong sự cảm thụ của tiếp nhận. Quá trình hình thành hình tượng trong chủ quan người tiếp nhận là quá trình hoạt động tâm lí, có liên quan trực tiếp đến cơ chế tâm lí học. Quá trình chuyển từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng trong chủ quan người tiếp nhận còn được gọi là quá trình chuyển mã: từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng (transformation from language code into image code).

4.2. Ngôn ngữ với vấn đề tiếp nhận trong tiếp nhận văn bản nghệ thuật [6], [7], [8], [9]

4.2.1. Tiếp nhận và hoạt động năng động của chủ thể tiếp nhận

Như mọi người đều biết, nhiều khi, cùng một tác phẩm văn chương, âm nhạc..., nhưng được đánh giá, bình xét không giống nhau. Điều này chứng tỏ rằng, cách tiếp nhận, hiểu, cảm thụ... tác phẩm của mỗi cá nhân khác nhau dẫn đến nhận xét, đánh giá tác phẩm không giống nhau, thậm chí nhiều khi trái ngược nhau! Nhiều ví dụ trong các lần nhận xét, đánh giá... của các thành viên trong Hội đồng nghệ thuật, Ban giám khảo những cuộc thi đã được truyền hình trực tiếp hoặc phát lại trên truyền hình. Hoặc nữa, một em bé, một nông dân, một công nhân, một trí thức... khi đọc truyện Kiều, chắc chắn cảm nhận trong họ về truyện Kiều sẽ khác nhau. Điều này nhiều khi do kiến thức nền (background), vốn sống hoặc hiểu biết văn hóa - xã hội... chi phối. Thế cho nên, có những trường hợp, cùng biểu diễn một ca khúc (kể cả bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài), nhưng có ca sĩ thể hiện thành công - thậm chí còn chấp cánh cho ca khúc ấy bay xa - và ngược lại, có ca sĩ làm người nghe thất vọng!

Năng động của chủ thể tiếp nhận tác phẩm thông thường bao giờ cũng hướng theo định hướng sáng tạo với tác giả, với điều kiện định hướng ấy hợp logic trong ngôn cảnh mà tác giả muốn phát triển chủ đề thông qua nghệ thuật sử dụng ngôn từ và cách xây dựng hình tượng...

4.2.2. Tính logic trong hoạt động năng động của chủ thể tiếp nhận

Hoạt động năng động của người tiếp nhận trong bài viết này được hiểu là ngoài trí tưởng tượng phong phú, người tiếp nhận còn cần phải biết sử dụng vốn sống qua nhiều trải nghiệm của chính mình khi tiếp nhận tác phẩm.

Người tiếp nhận hoạt động năng động cũng có nghĩa là người tiếp nhận vừa tạo nghĩa, vừa chế biến nghĩa nhằm tạo ra những mã hình tượng trong cảm nhận của mình bắt nguồn từ mã ngôn ngữ.

4.3. Quá trình chuyển từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng nơi người tiếp nhận văn bản nghệ thuật

Chúng ta có thể thấy rằng, ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm, qua khúc xạ tâm lí,

chuyển hóa thành hình tượng mang tính chủ quan của chủ thể tiếp nhận. Chính quá trình này đã diễn ra những trạng thái tâm lí khác nhau nơi người tiếp nhận tác phẩm nghệ thuật. Quá trình này có thể diễn ra như sau:

Thao tác tiếp nhận chuyển thành thao tác bộc lộ nỗi vui, buồn, giận, ghét, yêu thương... đang có và đang được khuấy động...trong chính bản thân người tiếp nhận văn bản nghệ thuật.

Đồng thời, một phản ứng khác cũng có thể diễn ra nơi người tiếp nhận. Đó là thông tin lôgic gắn với mã ngôn ngữ chuyển thành thông tin thẩm mĩ gắn với mã hình tượng. Chính thực tế này có thể giúp người đọc/ người tiếp nhận tác phẩm kể lại lôgic tác phẩm ấy, đồng thời có thể tự nâng cao và mở rộng các trường thẩm mĩ của chính người tiếp nhận tác phẩm.

Một hệ quả tiếp theo là sự mở rộng giữa lí trí và tình cảm, cũng như giữa nhân vật được xây dựng trong tác phẩm và nhân vật được tiếp thu, tưởng tượng từ người tiếp nhận tác phẩm. Đây chính là một trong những thực tế và lí do tại sao người ta gọi là "đồng sáng tạo" hay quá trình "nhập thân vào nhân vật".

Tại đây, sự năng động của chủ thể tiếp nhận tác phẩm đã trở thành một trong các đối tượng nghiên cứu của khoa học liên ngành, trong đó có ngôn ngữ học, văn học, tâm lí học, lôgic học, xã hội học... bởi tất cả đều có điểm tương đồng là tín hiệu học, cách tiếp cận tác phẩm nghệ thuật theo phương thức tĩnh - động. Chính điều này góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng, đa chiều... trong tiếp nhận tác phẩm nghệ thuật,

nhưng theo "khuôn khổ", ngôn cảnh, tình huống... đã được tạo dựng nhờ tài năng của tác giả tác phẩm nghệ thuật đó.

4.4. Một vài gợi ý về thao tác cụ thể để xác định chủ đề tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ (tức là từ mã hình tượng đến chủ đề tư tưởng):

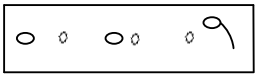
- Cần xác lập và miêu tả mối tương quan giữa các hình tượng trong tác phẩm nghệ thuật vốn hay được xen kẽ lẫn nhau và đan cài vào nhau.

- Nên phân tích, bình luận thấu đáo về sự tương tác trong các mối quan hệ giữa các hình tượng nghệ thuật.

- Tổng hợp, khái quát hóa, cụ thể hóa (thực chất là thông qua quá trình quy nạp và suy diễn vốn luôn có quan hệ chặt chẽ với nhau, có tính phân biệt nhưng không tách biệt) - bằng nhận thức lôgic - ý nghĩa xã hội của tác phẩm nghệ thuật ngôn từ (vốn mang tính chỉnh thể rất cao).

4.5. Một số ví dụ minh họa về cách tiếp nhận ngôn từ/ phát ngôn theo kiểu tĩnh - động [4]:

Trong lĩnh vực Ngôn ngữ học nói chung, Ngôn điệu học nói riêng, cụ thể là trong việc thể hiện và cảm nhận phát ngôn... thường hay có hiện tượng 'nói /thể hiện một đẳng, hiệu/ cảm nhận một kiểu' bởi lẽ hiệu để thể hiện và hiệu để cảm nhận ý nghĩa /cách dùng ngữ điệu tiếng Anh trong cộng đồng người phi bản ngữ là một vấn đề không đơn giản. Mẫu phát ngôn *Are you going away?* (6 âm tiết) được thể hiện trong các tình huống khác nhau như đã tổng hợp (theo kết quả khảo sát sơ phạm và điều tra điền dã) trong bảng dưới đây:

Mã số văn bản	Cùng 1 PN tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt trong mỗi tình huống khác nhau	Người thể hiện, MHND	Bảng, mặt bảng
VB1	<i>Are you going away?</i>  <i>(More involved, serious overtone)</i>	<i>Anh đi?</i> (Hàm ý hệ trọng, ngạc nhiên, muốn giữ đối tượng ở lại)	TLV bản ngữ, Cao - xuống thấp	B9, MB: B
VB2	<i>Are you going away?</i>  <i>(Business-like, serious overtone)</i>	<i>Anh đi à?</i> (Hàm ý hệ trọng, mang tính xã giao như trong công việc, nơi công sở)	TLV bản ngữ, Thấp vừa - xuống thấp	B9, MB: B
VB3	<i>Are you going away?</i> 	<i>Anh đi à!</i> (Lời chào, thể hiện ý trịnh trọng, theo kiểu)	TLV bản ngữ, Thấp - lên cao	B9, MB: B

	(Formal, British English)	Anh Anh)	TB	
VB4	Are you going away?  (Most casual, American English)	Anh đi đấy à. (Lời chào, thể hiện ý rất tình cờ, ngẫu nhiên, theo kiểu Anh Mĩ)	TLV bản ngữ, Thấp/ TB - lên cao	B9, MB: B
VB5	Are you going away?  (Bored, sarcastic, ironic)	Anh đi. (Diễn đạt ý nhàm chán, thờ ơ, tỏ ý châm chích)	TLV bản ngữ, TB - ngang	B9, MB: B
VB6	Are you going away?  (Uncertain, doubtful, tentative)	Anh đi à? (Hàm ý không chắc chắn, nghi ngờ, ướm thử, thăm dò)	TLV bản ngữ, Xuống - lên	B9, MB: B
VB7	Are you going away?  (Impressed)	Anh đi thật sao? (Nói với vẻ có ấn tượng)	TLV bản ngữ, Lên - xuống	B9, MB: B

Ghi chú:

- Ghi đường nét ngữ điệu: Tác giả bài viết này

- Phát ngôn (PN), văn bản (VB), tư liệu viên (TLV), băng 9 (B9), mặt băng (MB)

- Mẫu hình ngữ điệu (MHND), trung bình (TB)

Phát ngôn *Are you going away?* có 6 âm tiết, được cấu trúc thành một đơn vị ngữ điệu [3; 46 – 49] (thông qua mỗi MHND, thay vì hình tượng nghệ thuật hoặc cấu trúc ngôn ngữ vì vấn đề chúng tôi đang minh họa thuộc lĩnh vực Ngôn điệu học (Prosody) nói riêng, Ngôn ngữ học nói chung) với 7 lần thể hiện khác nhau theo các nghĩa trong từng tình huống cụ thể được mã hóa thành VB1, VB2, VB3, VB4, VB5, VB6 và VB7. Theo đó, chúng ta có thể thấy rằng, mặc dù cùng một PN, nhưng với những cách thể hiện và cảm nhận ngữ điệu tiếng Anh khác nhau (nếu chuẩn thì phải giống nhau/ tương đương nhau) nên có thể dẫn đến cách tiếp nhận ngôn bản/ PN/ văn bản nghệ thuật không phải lúc nào, với ai cũng như nhau. Đó là một thực tế mà những ai đã từng học và sử dụng tiếng Anh hoặc một ngoại ngữ nào đó đều có thể chia sẻ và cảm nhận được [3], [4], [5].

5. Kết luận:

Nhìn chung, khi xem xét ngôn ngữ trong mối quan hệ với vấn đề sáng tạo và tiếp nhận

văn bản nghệ thuật theo kiểu tĩnh - động, chúng ta cần phải lưu ý một số vấn đề cơ bản sau:

5.1. Trước hết, ta cần phải xem xét vấn đề theo cách tiếp cận tĩnh - động trong quá trình tạo nghĩa. Không nên chỉ "lần" theo ý định của tác giả vì như vậy chúng ta dễ bị chi phối bởi những chính kiến chủ quan của chính tác giả ấy. Nhưng điều này không có nghĩa là người tiếp nhận tác phẩm nghệ thuật được 'phóng tác' một cách 'thoải mái', mà cần phải tuân thủ những 'tiêu chí, quy ước' nhất định. Vì vậy, người tiếp nhận tác phẩm nghệ thuật cũng cần phải có trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo nhất định nhưng trong 'khuôn khổ và không khí' của tác phẩm đó.

5.2. Khi hiểu được cơ chế chuyển mã và quá trình chuyển mã theo những định hướng đã phân tích trong bài viết này, chúng ta cần phải lưu ý thêm rằng, trong mỗi văn bản nghệ thuật, nghĩa của từ/ cụm từ bao giờ cũng được hiểu theo từng tình huống, ngôn cảnh nhất định (mang tính động), chứ không phải chỉ hiểu theo nghĩa từ điển (mang tính tĩnh). Hơn nữa, việc sử dụng ngôn từ của mỗi tác giả trong văn bản nghệ thuật lại hết sức đa dạng, phong phú, mang tính phong cách... nhằm nêu bật chủ đề tư tưởng theo ý đồ của tác giả.

5.3. Trong quá trình thao tác nhằm hiểu và nắm bắt được những mối quan hệ chằng chịt giữa nội dung và hình thức của tác phẩm

(xem tiếp trang 19)

4. Kövecses, Zoltán (2000), *Metaphor and emotion: Language, culture, and Body in Human Feeling*, Cambridge: Cambridge University Press.

5. Lakoff, George (1993), *The contemporary theory of metaphor*, Second Edition, Cambridge: Cambridge University Press.

6. Lakoff, George and Johnson, Mark (1980), *Metaphors we live by*, The University of Chicago Press, Chicago and London.

7. Lakoff, George and Turner, Mark (1989), *More than cool reason: A field guide to poetic metaphor*, Chicago: University of Chicago Press.

8. Lưu Trọng Tuấn (2009), *Ẩn dụ tình yêu trong thơ ca*, T/c Ngôn ngữ, số 10.

9. Nguyễn Đức Tồn (2007), *Bản chất của ẩn dụ*, T/c Ngôn ngữ, số 10, 11.

10. Nguyễn Lai (2009), *Suy nghĩ về ẩn dụ khái niệm trong thế giới thi ca từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận*, T/c Ngôn ngữ, số 10.

11. Phan Thế Hưng (2007), *Ẩn dụ ý niệm*, T/c Ngôn ngữ, số 7.

12. Nguyễn Văn Long (1987), *Tuyển tập Lưu Trọng Lư*, NXB Văn học, Hà Nội.

13. Nguyễn Thị Hà (2010), *Bước đầu khảo sát ý niệm về tình yêu trong ca dao người Việt*, T/c Ngôn ngữ và đời sống, số 3.

14. Hồ Quốc Nhạc, Thái Hoàng Ly (tuyển chọn) (1997), *Thơ tình Việt Nam hiện đại*, NXB Đồng Nai.

15. Kiều Văn & Nam Tuấn (1997), *Thơ Xuân Quỳnh*, NXB Đồng Nai.

http://en.wikipedia.org/wiki/Conceptual_metaphor#Mappings

<http://e-cadao.com/>

<http://allpoetry.com/poem/>

<http://www.bestlovepoems.com/>

Ban Biên tập nhận bài ngày 10-08-2011)

(NGÔN NGỮ VỚI SÁNG TẠO...

tiếp theo trang 10)

nghệ thuật, chúng ta đã có điều kiện thuận lợi để hiểu thêm, tự lí giải thêm vì sao hệ thống hình tượng được các nhà lí luận, nghiên cứu xác định là phạm trù vừa có tính nội dung, vừa có tính hình thức. Đó cũng chính là một trong các cách lí giải mà tác giả bài viết này quan tâm.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Minh Châu, Nguyễn Thụy Kha (2004), *Huy Du - Đời và nhạc*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.

2. Hoàng Dân, Huy Kỳ, Đường Văn, Đăng Vân, 2002, *Đồng điệu*, Quỹ hỗ trợ sáng tạo Văn học nghệ thuật. Hà Nội.

3. Nguyễn Huy Kỳ (2004), *Ngữ điệu tiếng Anh và các chức năng*, Tạp chí Khoa học số 4, ĐHQG Hà Nội.

4. Nguyễn Huy Kỳ (2006), *Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt (English intonation by the Vietnamese) (sách chuyên luận)*, NXB Văn hóa - Thông tin.

5. Nguyễn Huy Kỳ (2007), *Tìm hiểu một số quan hệ cơ bản giữa ngữ điệu và các phương tiện khác có liên quan*, *Ngôn ngữ & Đời sống* số 1+2, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

6. Nguyễn Lai (1997), *Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương (tập 1)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Nguyễn Lai (1998), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, NXB Giáo dục.

8. Hoàng Trọng Phiến (2000), *Những bài giảng về cấu trúc trong ngôn ngữ và những vấn đề có liên quan*, Khoa Ngôn ngữ học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Saussure F.D., (1973), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-04-2011)